TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2021/HSST
Ngày: 04/11/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Bà Lê Thị Thận.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thế Vinh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hồng Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 84/2021/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

Họ và tên: T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, h. B, tỉnh P.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Hoa, Tôn giáo: Không; Con ông V, sinh năm: 1954 và bà E, sinh năm: 1954; Bị cáo 03 anh chị em ruột. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là: M, sinh năm: 1975, bị cáo có 01 người con, sinh năm: 2009. Tiền sự: Không; Tiền án: 01, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo T 01 năm tù về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 21/11/2018. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2021 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Những người tham gia tố tụng:**

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trương Thị Bích Huệ - Trợ giúp viên pháp lý/Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước.(có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Tr, sinh năm 1989.(có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 30/11/2019, T đi nhờ xe mô tô của người đi đường đến xã Đ, huyện B, tỉnh P. Khi đến trước nhà ông Tr, tại thôn T, xã Đ thì phát hiện trong sân nhà anh Tr có dựng 01 xe mô tô không có người trông coi, T đi vào lấy trộm xe mô tô rồi điều khiển chạy đến khu vực "Làng Mông" thuộc xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông, cầm xe cho 01 người đàn ông không rõ nhân thân, lý lịch lấy 700.000 đồng; bị cáo sử dụng 100.000đ mua ma tuý của một người đàn ông không rõ nhân thân, lý lịch tại "Làng Mông" để sử dụng, sau đó bỏ đi khỏi địa phương và tiêu xài cá nhân hết số tiền còn lại; đến ngày 17/7/2021 bị cáo bị bắt tại thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và bị tạm giam cho đến nay.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 15/KL-ĐG ngày 01/3/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng, kết luận: Xe Mô tô biển kiểm soát 49M1-000.18, nhãn hiệu YAMAHA, loại GRAVITA, màu vàng nâu, số khung C20AY001882, số máy 31C2001870 tại thời điểm phạm tội trị giá 12.000.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 85/CTr –VKS ngày 01/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo T về "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, nên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản"; đề nghị áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 12 đến 15 tháng tù; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 12.000.000đ và chịu án phí theo quy định; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng về nội dung vụ án, về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; về bồi thường thiệt hại và không áp dụng hình phạt bổ sung mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo tại phiên toà; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, học vấn thấp, là người dân tộc ít người cư trú ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo ở mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; Không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 30/11/2019, bị cáo T lợi dụng sơ hở của của gia đình anh Tr ở thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh P lén lút trộm cắp 01 xe Mô tô biển kiểm soát 49M1-000.18, nhãn hiệu YAMAHA, loại GRAVITA, màu vàng nâu, số khung C20AY001882, số máy 31C2001870, tại thời điểm phạm tội có giá trị là 12.000.000đ.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên đã phạm tội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HSST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo T 01 năm tù; chấp hành xong hình phạt ngày 21/11/2018, chưa được xoá án tích lại phạm tội mới, thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, Khoản 1, Điều 51; Bị cáo là người dân tộc ít người, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5] Về vật chứng vụ án: 01 xe Mô tô biển kiểm soát 49M1-000.18, nhãn hiệu YAMAHA, loại GRAVITA, màu vàng nâu, số khung C20AY001882, số máy 31C2001870. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bù Đăng đã ra thông báo truy tìm nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi đã tách ra xử lý sau nên không đề cập.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà người bị hại Tr yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000đồng, bị cáo chưa bồi thường. Tại phiên toà bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người

bị hại sau khi chấp hành xong hình phạt theo quyết định của Toà án, nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 12.000.000đ.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng và người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2021.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng các các điều 46, 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Buộc bị cáo **T** phải bồi thường cho bị hại Tr số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo T nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 800.000đ.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Công an huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã kí)

NGUYỄN VĂN HUỆ